

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2024/HC-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Phan Ngọc Rỹ

Ông Nguyễn Thanh Nhật

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:** Ông Võ Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 79/2024/TLST-HC Ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2024/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942; địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành P - Chủ tịch Ủy ban.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Hồ Phương B - Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Ông T, ông K có mặt, ông P, ông B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa của người khởi kiện có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 25561 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N vào ngày 05/02/1997 đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Lý do khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 25561 ngày 05/02/1997 đối với 07 thửa đất. Trong đó, có thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất của cha mẹ để lại. Ngày 01/12/2023, bà N tặng cho con là ông Nguyễn Văn T thì phát hiện thửa đất bà đang sử dụng là thửa đất số 647, tờ bản đồ số 13, ông Nguyễn Quang M là người đang quản lý, sử dụng thửa đất số 641. Do đó, bà N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại cho đúng thửa đất đang sử dụng.

Tại Văn bản số 7379/UBND-TA ngày 15/05/2024 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày có nội dung:

Ngày 05/02/1997 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N với diện tích 7153m² gồm 07 thửa đất. Trong đó, có thửa đất số 641, diện tích 734m², tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Đ là căn cứ vào danh sách cấp giấy chứng nhận theo mẫu trung ương, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị N (số thứ tự: 54).

Năm 2008 bà Nguyễn Thị N chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn K tại một phần thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13, diện tích 378m² xã Đ cho ông Nguyễn Tấn K theo hợp đồng số 795, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực vào ngày 26/9/2008.

Đến ngày 17/7/2008 Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 13039/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn K tại thửa đất số 909, tờ bản đồ số 18, diện tích 378m², loại đất ONT tọa lạc xã Đ (thửa 909 được tách ra từ thửa 641).

Ngày 07/11/2023 bà Nguyễn Thị N thực hiện tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T tại thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13, diện tích 356m², tọa lạc xã Đ là thực hiện theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn T thì mới phát hiện bà N không sử dụng thửa đất số 641 mà bà N sử dụng thửa đất số 647. Thửa đất số 641 do ông Nguyễn Quang M đang quản lý, sử dụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn KI trình bày: ông là con bà N, ông được bà N cho đất và cất nhà ở ổn định, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 909 (tách ra từ thửa đất số 641). Nay phát hiện bà N không sử dụng thửa đất số 641 nên bà N đề nghị hủy giấy của bà N ông không có ý kiến gì, do Tòa giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa cho thấy. Ngày 05/02/1997, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N với diện tích 7153m² gồm 07 thửa đất. Trong đó, có thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13, diện tích 734m², tọa lạc xã Đ.

Năm 2008, bà **N** chuyển nhượng cho ông **K1** một phần thửa đất số 641 có diện tích 378m², ông **K1** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa mới là thửa đất số 909. Diện tích thửa đất số 641 còn lại là 356m². Nhưng thực tế bà **Nguyễn Thị N** đang quản lý sử dụng thửa đất số 647, tờ bản đồ số 13, thửa đất số 641 hiện do ông **Nguyễn Quang M** đang quản lý, sử dụng. Ủy ban nhân dân huyện **Đ** khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **N** chỉ dựa vào hồ sơ địa chính, không đo đạc và xem xét hiện trạng sử dụng đất dẫn đến cấp sai thửa đất và đối tượng sử dụng đất. Bà **N** khởi kiện đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 25561 do Ủy ban nhân dân huyện **Đ** cấp cho bà **Nguyễn Thị N** vào ngày 05/02/1997 đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13, loại đất thổ, tọa lạc tại xã **Đ**, huyện **Đ**, tỉnh **Long An** là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Nguyễn Thị N** yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 25561 do Ủy ban nhân dân huyện **Đ** cấp cho bà **Nguyễn Thị N** vào ngày 05/02/1997 đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã **Đ**, huyện **Đ**, tỉnh **Long An**. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng Hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 01/12/2023, bà **N** tiến hành đo đạc thửa đất bà đang sử dụng thì bà mới biết bà không sử dụng thửa đất 641. Ngày 06/3/2024, bà **N** nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An là còn trong thời hiệu, nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng Hành chính.

[3] Về việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại: Tòa án đã có thông báo cho các đương sự nhưng người bị kiện vắng mặt, người khởi kiện có đơn yêu cầu không đối thoại nên Tòa án lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành đối thoại được theo quy định của Điều 135, 137 Luật Tổ tụng Hành chính.

[4] Người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện **Đ** ông **Lê Thành P**, người bảo vệ quyền và nghĩa vụ ông **Nguyễn Phương B1** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 Luật Tổ tụng Hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt ông **P**, ông **B1** là phù hợp.

[5] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân huyện **Đ** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 25561 do cho bà **Nguyễn Thị N** vào ngày 05/02/1997 đối với 07 thửa đất. Trong đó, có thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13, loại đất thổ, tọa lạc tại xã **Đ**, huyện **Đ**, tỉnh **Long An** là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, ban hành quyết định theo quy định của Luật Đất Đai năm 1993.

Tuy nhiên, khi thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N, Ủy ban nhân dân huyện K2 thực hiện kiểm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình, hiện trạng, vị trí, đối tượng sử dụng đất là có sai sót.

[6] Về nội dung của quyết định hành chính: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 25561 cho bà Nguyễn Thị N vào ngày 05/02/1997 đối với 07 thửa đất. Trong đó, có thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13 nhưng thực tế bà Nguyễn Thị N đang quản lý sử dụng thửa đất số 647, tờ bản đồ số 13. Trên thửa đất có 02 căn nhà cấp 4, một căn thuộc sở hữu của bà N và một căn thuộc sở hữu của ông K1 (ông K1 được cấp thửa đất số 909 tách từ thửa đất số 641), ông Nguyễn Quang M là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất số 641. Nội dung này được chứng minh qua lời trình bày của bà N, ông K1, văn bản trình bày của Ủy ban nhân dân huyện Đ và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Long An ngày 26/4/2024.

Như vậy, ngày 05/02/1997 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13, loại đất thổ, diện tích 734m², tọa lạc xã Đ là sai số thửa, không đúng đối tượng sử dụng đất là trái với quy định tại Điều 2, Điều 20, Điều 73 Luật Đất đai năm 1993. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ nên được chấp nhận như đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này nên ghi nhận là phù hợp theo khoản 1 Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng Hành chính.

Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Áp dụng Điều 2, Điều 20, Điều 73 Luật Đất đai năm 1993;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 25561 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N vào ngày 05/02/1997 đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị N được quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện nhiệm vụ công vụ, cấp quyền sử dụng đất cho bà N theo qui định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (bà N đã nộp xong).

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Trí

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lương Minh Trí

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Trí

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Minh Trí